TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Ngân**
Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Chiêu Quyên** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-DS ngày 08/02/2022 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐST-DS ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐ/DS ngày 26/5/2023 giữa các đương sự sau:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị D**
Địa chỉ: 64/15 đường K, thành phố T
Có mặt

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**
Địa chỉ: Hẻm 5 đường X, xã N, thành phố T
Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Văn M**

Địa chỉ: Hẻm 5 đường X, xã N, thành phố T

Vắng mặt
2/ Bà **Phạm Thị Hồng N**
Địa chỉ: 64/19 đường X, xã N, thành phố T
3/ Ông **Phạm Việt C**
Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố T
4/ Bà **Bùi Thị Ánh T**

Địa chỉ: 56 tổ 19 thôn N, xã N, thành phố T
5/ Bà **Nguyễn Thị X**
Địa chỉ: 64/20 đường X, xã N, thành phố T
6/ Bà **Ngọ Thị H**
Địa chỉ: 2/3 đường H, thành phố T
7/ Bà **Trần Thị N**
Địa chỉ: 17/3 đường X, xã N, thành phố T
8/ Ông **Bùi Hữu H**
Địa chỉ: 64/15 đường X, xã N, thành phố T
9/ Ông **Phạm Nguyễn Minh H**
Địa chỉ: 64/30 đường X, xã N, thành phố T
10/ Bà **Nguyễn Thị H**
Địa chỉ: 64/45 đường X, xã N, thành phố T
11/ Bà **Lê Thùy T**
Địa chỉ: 62/10 đường X, xã N, thành phố T
12/ Bà **Võ Thị Thanh T**
Địa chỉ: Lô 99 đường S, phường H, thành phố T
13/ Bà **Hà Thị H**
Địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố T
14/ Bà **Đinh Thị Hồng N**
Địa chỉ: 202/2 khóm B, phường H, thành phố T

Đại diện theo ủy quyền của các ông bà Phạm Thị Hồng N, Phạm Việt C, Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Thị X, Ngọ Thị H, Trần Thị N, Bùi Hữu H, Phạm Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị H, Lê Thùy T Võ Thị Thanh T, Hà Thị H, Đinh Thị Hồng N: Bà **Đinh Thị D**
Địa chỉ: 64/15 đường X, xã N, thành phố T
Bà Diệp có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn – bà Đinh Thị D trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị Thu T có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước do nhiều lần cùng chơi huê để lấy vốn làm ăn cùng nhau. Từ năm 2018 đến nay tôi và bà T cùng chơi chung 3 dây huê. Tôi được chị em tin tưởng bầu làm tổ trưởng tổ chơi huê để tôi đứng ra tổ chức cho chị em chơi. Các dây huê tôi là người đầu tiên được lấy tiền trước.

- Dây 1: Thời gian chơi từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/12/2020. Có 36 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. Dây này bà T chơi 3 phần.

T đã lấy tiền vào tháng 2, 3, 4/2018 được 216.000.000 đồng. T đã đóng được 23 tháng là 138.000.000 đồng. Từ tháng 12/2019 T không đóng nữa, nên T nợ 13 tháng chưa đóng là 78.000.000 đồng.

- Dây 2: Thời gian chơi từ ngày 10/01/2019 đến 10/12/2021. Có 36 phần, mỗi

phần 1.000.000 đồng. Dây này T chơi 3 phần. T đã lấy được 108.000.000 đồng. T đã đóng được 11 tháng là 33.000.000 đồng. Từ tháng 12/2019 T không đóng nữa nên T nợ 25 tháng chưa đóng là 75.000.000.000 đồng

- Dây 3: Chơi từ ngày 10/11/2019 đến 10/10/2022. Có 36 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. T chơi 2 phần. T đã lấy 144.000.000 đồng. Dây này T chưa đóng tháng nào nên còn nợ 144.000.000 đồng.

Từ tháng 12/2019 đến nay T không đóng tiền cho cả 3 dây huê. Tôi đã đứng ra đóng cho T từ tháng 12/2019 đến 6/2020 mỗi tháng 13.000.000 đồng (T có viết vào sổ của tôi). Tổng là 91.000.000 đồng.

Về số tiền huê, vì dây 3 tôi chơi 5 phần nên tôi yêu cầu T trả cho tôi 16.000.000 đồng tiền huê.

Vì vậy, tổng số tiền tôi yêu cầu T trả cho tôi là 107.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T không đến tòa nên không thể lấy lời khai.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nguyễn Minh H – bà Đinh Thị D trình bày:

Ông H chơi chung với bà Nguyễn Thị Thu T các dây huê 2, 3. Dây 2 bà T nợ ông H 3.000.000 đồng. Dây 3 bà Thảo nợ ông H 4.000.000 đồng. Ông H yêu cầu bà T trả số tiền 7.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Việt C – bà Đinh Thị D trình bày:

Ông C chơi chung với bà T các dây huê 1, 2, 3. Dây 1 bà T nợ ông C 6.000.000 đồng. Dây 2 bà T nợ ông C 3.000.000 đồng. Dây 3 bà T nợ ông C 8.000.000 đồng. Ban đầu ông C yêu cầu bà T trả 19.000.000 đồng nhưng nay ông C chỉ yêu cầu bà T trả tổng số tiền là 17.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngọ Thị H – bà Đinh Thị D trình bày:

Bà Ngọ Thị H chơi chung với bà T các dây huê 1, 2. Dây 1 bà T nợ bà H 6.000.000 đồng. Dây 2 bà T nợ bà H 6.000.000 đồng. Bà Ngọ Thị H yêu cầu bà T trả số tiền 12.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H – bà Đinh Thị D trình bày:

Bà Hà Thị H chơi chung với bà T dây huê 1, bà T nợ bà H 6.000.000 đồng. Ban đầu bà H yêu cầu bà T trả 8.000.000 đồng nhưng nay bà H chỉ yêu cầu bà T trả 6.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thùy T – bà Đinh Thị D trình bày:

Bà Lê Thùy T chơi chung với bà T dây huê 1, 3. Dây 1 bà T nợ bà T 6.000.000 đồng. Dây 3 bà T nợ bà T 8.000.000 đồng. Bà T yêu cầu bà T trả số tiền 14.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Hồng N – bà Đinh Thị D trình bày:

Bà Đinh Thị Hồng N chơi chung với bà T dây huê số 1. Bà T nợ bà N 8.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bà T trả số tiền 8.000.000đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X – bà Đinh Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị X chơi chung với bà T dây huê thứ 2, 3. Dây 2 bà T nợ bà X 6.000.000 đồng. Dây 3 bà T nợ bà X 4.000.000 đồng. Bà X yêu cầu bà T trả 10.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H – bà Đinh Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị H chơi chung với bà T dây huê thứ 3. Bà T nợ bà H 8.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T trả 8.000.000 đồng

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng N – bà Đinh Thị Dtrình bày:

Bà Phạm Thị Hồng N chơi chung với bà Nguyễn Thị Thu T dây huê thứ 1, 2 và 3. Dây 1 bà T nợ bà N 6.000.000 đồng. Dây 2 bà T nợ bà N 3.000.000 đồng. Dây 3 bà T nợ bà N 8.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bà T trả số tiền 17.000.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ánh T, bà Trần Thị N, ông Bùi Hữu H, bà Võ Thị Thanh T – bà Đinh Thị D trình bày:

Các ông bà Bùi Thị Ánh T, Trần Thị N, Bùi Hữu H, Võ Thị Thanh T là những người cùng chơi huê với bà T và bị bà T nợ tiền huê. Các ông bà đã nhận được thông báo nộp tạm ứng án phí về yêu cầu độc lập nhưng họ không chịu nộp tạm ứng án phí vì họ thấy phiền phức mất thời gian, không biết có đòi được tiền không. Vì vậy, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp T đã nêu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Việc bà Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T trả lại số tiền huê và tiền bà đã cho bà T vay đóng tiền huê. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Các ông bà Bùi Thị Ánh T, Trần Thị N, Bùi Hữu H, Võ Thị Thanh T có đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu Th trả tiền huê nhưng các ông bà không nộp tạm ứng án phí và cũng không thuộc trường hợp được miễn án phí nên yêu cầu của các ông bà không được thụ lý giải quyết trong vụ án này.

- Bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T và ông M cố tình không đến, tuy nhiên Toà án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay bà T, ông M lại

vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn M.

[2] *Về nội dung:*

Giữa bà Đinh Thị D cùng các ông bà Phạm Thị Hồng N, Phạm Việt C, Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Thị X, Ngọ Thị H, Trần Thị N, Bùi Hữu H, Phạm Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị H, Lê Thùy T, Võ Thị Thanh T, Hà Thị H, Đinh Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị Thu T có việc cùng nhau chơi huê. Điều này thể hiện qua các Giấy cam kết, hợp đồng góp vốn của các gia đình làm kinh tế có chữ ký của bà Đinh Thị D, bà Nguyễn Thị Thu T.

Xét:

2.1. Đối với yêu cầu của bà D yêu cầu bà T trả cho bà D số tiền 107.000.000 đồng

Bà Đinh Thị D khai đã cho bà T vay đóng tiền huê 07 tháng (từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2020), mỗi tháng 13.000.000 đồng, tổng số tiền cho vay là 91.000.000 đồng; bà T không có ý kiến gì khác, các hội viên khác cũng không có ý kiến gì về việc chưa nhận được tiền góp vốn chứng tỏ bà D có thay bà T đóng tiền để trả cho một số hội viên, yêu cầu của bà D là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bà T trả số tiền 16.000.000 đồng: Dây huê thứ 3 Bà D tham gia 05 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên nợ bà D 20.000.000 đồng, Bà D yêu cầu bà T trả 16.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Nguyễn Minh H yêu cầu bà trả 7.000.000 đồng.

Ông H chơi chung với bà Nguyễn Thị Thu T các dây huê 2, 3. Dây huê thứ 2 ông Htham gia 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ông H 3.000.000 đồng. Dây huê thứ 3 ông H tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, dây huê thứ 3 chung với bà T, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ông H 4.000.000 đồng.

Như vậy, ông H yêu cầu bà T trả số tiền 7.000.000 đồng là có căn cứ.

+ Ông PhạmViệt C yêu cầu bà Ttrả số tiền 17.000.000 đồng.

Ông C chơi chung với bà các dây huê 1, 2, 3. Dây huê thứ 01 ông C tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ông C 6.000.000 đồng. Dây huê thứ 02 ông C tham gia 01 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ông C 3.000.000 đồng. Dây huê thứ 03 ông C tham gia 02 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ông C 8.000.000 đồng. Ban đầu ông C yêu cầu bà T trả 19.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông C chỉ yêu cầu bà T trả tổng số tiền là 17.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của ông C buộc bà T trả 17.000.000 đồng là có căn cứ.

+ Bà Ngọ Thị H yêu cầu bà T trả số tiền 12.000.000 đồng

Bà Ngọ Thị H chơi chung với bà T các dây huê 1, 2. Dây huê thứ 01 Bà H tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ba H 6.000.000 đồng. Dây huê thứ 02 Bà H tham gia 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa

nên còn nợ bà H 6.000.000 đồng. Như vậy, bà Ngọ Thị H yêu cầu bà T trả số tiền 12.000.000 đồng là có căn cứ

+ Bà Hà Thị H yêu cầu bà T trả 6.000.000 đồng

Bà Hà Thị H chơi chung với bà T dây huê 1, bà H tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà H 6.000.000 đồng. Ban đầu bà H yêu cầu bà T trả 8.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu bà T trả 6.000.000 đồng. Như vậy, bà Hà Thị H yêu cầu bà T trả 6.000.000 đồng là có căn cứ.

+ Bà Lê Thùy Tyêu cầu bà T trả số tiền 14.000.000 đồng

Bà Lê Thùy T chơi chung với bà T dây huê 1, 3. Dây huê thứ 01 bà T tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ba T 6.000.000 đồng. Dây huê thứ 03 bà T tham gia 02 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà T 8.000.000 đồng. Như vậy, bà T yêu cầu bà T trả số tiền 14.000.000 đồng là có căn cứ.

+ Bà Đinh Thị Hồng N yêu cầu bà T trả số tiền 8.000.000đồng

Bà Đinh Thị Hồng N chơi chung với bà T dây huê số 1. Bà N tham gia 02 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ ba N 8.000.000 đồng. Như vậy, bà N yêu cầu bà T trả số tiền 8.000.000 đồng là có căn cứ

+ Bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà T trả 10.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị X chơi chung với bà T dây huê thứ 2, 3. Dây huê thứ 02 bà X tham gia 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà X 6.000.000 đồng. Dây huê thứ 03 bà X tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà X 4.000.000 đồng. Như vậy, bà X yêu cầu bà T trả 10.000.000 đồng là có căn cứ.

+ Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà T trả 8.000.000 đồng

Bà Nguyễn Thị H chơi chung với bà T dây huê thứ 3. Bà H tham gia 02 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà H 8.000.000 đồng. Như vậy, bà H yêu cầu bà T trả 8.000.000 đồng là có căn cứ

+ Bà Phạm Thị Hồng N yêu cầu bà T trả số tiền 17.000.000 đồng

Bà Phạm Thị Hồng N chơi chung với bà Nguyễn Thị Thu T dây huê thứ 1, 2 và 3. Dây huê thứ 01 bà N tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà N 6.000.000 đồng. Dây huê thứ 02 bà N tham gia 01 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 03 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà N 3.000.000 đồng. Dây huê thứ 03 bà N tham gia 02 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, sau khi bà T nhận 02 phần không tiếp tục đóng nữa nên còn nợ bà N 8.000.000 đồng. Như vậy, bà N yêu cầu bà T trả số tiền 17.000.000 đồng là có căn cứ.

Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị D được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.350.000 đồng.

Do yêu cầu của ông Phạm Nguyễn Minh H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 đồng

Do yêu cầu của ông Phạm Việt C được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng

Do yêu cầu của bà Ngọ Thị H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng

Do yêu cầu của bà Hà Thị H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng

Do yêu cầu của bà Lê Thùy T được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng

Do yêu cầu của bà Đinh Thị Hồng N được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thi X được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng

Do yêu cầu của bà Phạm Thị hồng N được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 96, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Đinh Thị D số tiền là: 107.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu đồng*).

1.1 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Nguyễn Minh H: buộc bà Nguyễn Thị Thu Tphải trả cho ông Phạm Nguyễn Minh H số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*)

1.2 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Việt C: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho ông Phạm Việt C số tiền 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*)

1.3 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngọ Thị H: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Ngọc Thị H số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*)

1.4 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hà Thị H : buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Hà Thị H số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*)

1.5 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thùy T: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Lê Thùy T số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*)

1.6 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đinh Thị Hồng N: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Đinh Thị Hồng N số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*)

1.7 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị X: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)

1.8 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*)

1.9 Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Hồng N: buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Phạm Thị Hồng N số tiền 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*)

1.10 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Việt C về số tiền 2.000.000 đồng yêu cầu bà T trả.

1.11 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H về số tiền 2.000.000 đồng yêu cầu bà T trả.

2.**Về án phí**: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu tổng án phí là 10.300.000 đồng (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Đinh Thị D số tiền 7.425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001090 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

Hoàn lại cho ông Phạm Nguyễn Minh H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002707 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

Hoàn lại cho ông Phạm Việt C số tiền 475.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002708 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

Hoàn lại cho bà Ngọ Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002704 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

Hoàn lại cho bà Hà Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002706 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

Hoàn lại cho bà Lê Thùy T số tiền 350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002705 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

Hoàn lại cho bà Đinh Thị Hồng N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002703 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T

3. Quy định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Minh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. T;
- THADS Tp T;
- TAND tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung